

Số: **1155**/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày **28** tháng 4 năm 2016

BỘ CÔNG THƯƠNG

ĐẾN

Số: **4341**.....

Ngày: **04/5/16**.....

Chuyên: .....

Lưu hồ sơ số: .....

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc Ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử  
tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020

CỤC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ  
VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
**CÔNG VĂN ĐẾN**  
CV Số: **704**.....  
Ngày **09** tháng **5** năm 2016.  
Lưu hồ sơ: .....

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2014 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý website thương mại điện tử;

Căn cứ Quyết định 07/2015/QĐ-TTg ngày 02/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 396/TTr-SCT ngày 15/4/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Phó Chánh VP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TCTM (NL80).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Khánh**

## KẾ HOẠCH

**Phát triển Thương mại điện tử tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2016-2020**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **1155/QĐ-UBND** ngày **28** / 4/2016  
của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)

Thực hiện Quyết định số 1073/QĐ-TTg ngày 12/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển thương mại điện tử Quốc gia giai đoạn 2014-2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020, như sau:

### **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TỈNH HÒA BÌNH, GIAI ĐOẠN (2011-2015)**

#### **1. Kết quả đạt được**

Ngày 29/11/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2165/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2011 – 2015

- Phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về thương mại điện tử (TMĐT): Giai đoạn 2011 – 2015 đã tổ chức 07 lớp tập huấn về TMĐT cho cán bộ quản lý thuộc các Sở, Ban, Ngành, các huyện, thành phố trong tỉnh nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với TMĐT, vai trò, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước đối với sự phát triển của thương mại điện tử, các điều kiện kỹ năng cần thiết để tham gia TMĐT.

- Tổ chức tuyên truyền về thương mại điện tử cho người tiêu dùng thông qua Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh Hòa Bình, Báo Hòa Bình.

- Cung cấp trực tuyến các dịch vụ công liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh: Trong giai đoạn 2011 – 2015 đã triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tuy nhiên phần lớn các dịch vụ công trực tuyến đạt ở mức độ 1 và mức độ 2.

- Phát triển và ứng dụng công nghệ, dịch vụ thương mại điện tử: Bước đầu đã khuyến khích các ngân hàng, các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thẻ vào các loại hình dịch vụ ngân hàng; đặc biệt, là dịch vụ thanh toán điện tử như thanh toán tiền điện, tiền nước, tiền lương, tiền điện thoại, các dịch vụ giao thông công cộng, phân phối, văn hóa, thể thao, giải trí du lịch...

- Củng cố tổ chức, xây dựng đội ngũ, nâng cao hiệu quả và năng lực quản lý nhà nước về TMĐT: Hàng năm cử cán bộ chuyên trách về TMĐT tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn của Bộ Công Thương và Cục TMĐT và Công nghệ

thông tin tổ chức. Phối hợp với Cục TMĐT và Công nghệ thông tin Bộ Công Thương, xử lý và công bố các số liệu thống kê định kỳ về TMĐT.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia và ứng dụng TMĐT: Nhận thức được vai trò của website TMĐT đối với doanh nghiệp là công cụ xây dựng thương hiệu, quảng bá, kênh truyền thông, công cụ kinh doanh hiệu quả với chi phí thấp, trong giai đoạn 2011–2015, Ủy ban nhân dân tỉnh đã hỗ trợ xây dựng và nâng cấp website cho 30 doanh nghiệp từ nguồn ngân sách địa phương.

### **Kết quả cụ thể, như sau:**

- 90% cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp biết đến lợi ích của TMĐT.
- 80% các doanh nghiệp tiến hành giao dịch TMĐT loại hình doanh nghiệp với người tiêu dùng hoặc doanh nghiệp với doanh nghiệp, trong đó:
  - + 70% doanh nghiệp sử dụng thư điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.
  - + Trên 30% doanh nghiệp có trang thông tin điện tử cập nhật thường xuyên hoặc định kỳ thông tin hoạt động và quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp.
  - + Trên 30% doanh nghiệp tham gia các website thương mại điện tử để mua bán các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
  - + Trên 20% doanh nghiệp ứng dụng các phần mềm chuyên dụng trong hoạt động quản lý sản xuất và kinh doanh.
- Bước đầu hình thành các tiện ích hỗ trợ người tiêu dùng tham gia TMĐT loại hình doanh nghiệp với người tiêu dùng, trong đó:
  - + Trên 40% các siêu thị, trung tâm mua sắm và cơ sở phân phối hiện đại cho phép người tiêu dùng thanh toán không dùng tiền mặt khi mua hàng.
  - + Trên 30% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông và truyền thông chấp nhận thanh toán phí dịch vụ của các hộ gia đình qua phương tiện điện tử.
  - + Trên 30% các cơ sở kinh doanh phát triển kênh giao dịch điện tử phục vụ người tiêu dùng.
- Một số dịch vụ công điển hình liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh được cung cấp trực tuyến đạt được ở mức độ 1 và mức độ 2.
- Kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển TMĐT giai đoạn 2011-2015 là: 613.000.000 đồng, đạt 12% so với Kế hoạch. Trong đó: Hỗ trợ 30 doanh nghiệp xây dựng Website TMĐT, ứng dụng TMĐT trong hoạt động sản xuất kinh doanh: 54.300.000 đồng. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin báo, đài của tỉnh: 3.000.000 đồng. Tập huấn kiến thức về TMĐT cho gần 600 lượt người: 555.700.000 đồng

### **2. Hạn chế tồn tại**

- Việc cung cấp dịch vụ công liên quan đến lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu mới dừng lại ở mức độ 1 và mức độ 2.

- Các doanh nghiệp sử dụng thư điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các siêu thị, tập trung mua sắm và cơ sở phân phối hiện đại cho phép thanh toán không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ thấp, chưa đạt yêu cầu đề ra.

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa nhận thức được vai trò to lớn của TMĐT, vì vậy thiếu đầu tư quan tâm cho hoạt động TMĐT. Nguồn nhân lực dành cho TMĐT tại các doanh nghiệp còn hạn chế, hầu hết các doanh nghiệp chưa có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin và TMĐT, chủ yếu là kiêm nhiệm. Mặt khác việc triển khai ứng dụng TMĐT của các doanh nghiệp mới ở giai đoạn đầu nên hiệu quả chưa cao, chưa theo kịp và đáp ứng yêu cầu phát triển chung của tỉnh.

- Hiện nay một số doanh nghiệp đã xây dựng website, nhưng vẫn chỉ dừng ở mức cung cấp thông tin sản phẩm, dịch vụ đang kinh doanh, phương thức thanh toán...

- Nhận thức của người dân về mua hàng trực tuyến còn hạn chế, thói quen, tâm lý của người tiêu dùng và doanh nghiệp sử dụng các kênh mua bán, giao dịch truyền thống dẫn đến việc phát triển TMĐT thời gian qua gặp nhiều khó khăn.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và bộ phận thanh niên khởi nghiệp trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và TMĐT chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của tình hình mới.

### **3. Nguyên nhân hạn chế tồn tại**

- Do ngân sách tỉnh còn nhiều khó khăn nên nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển TMĐT còn hạn hẹp (trong 5 năm chỉ đạt 12% so với dự toán Kế hoạch được phê duyệt).

- Nhận thức về tầm quan trọng, lợi ích của TMĐT trong các doanh nghiệp chưa được đầy đủ; doanh nghiệp chưa thấy rõ vai trò, hiệu quả kinh tế của TMĐT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các doanh nghiệp tỉnh Hòa Bình hầu hết là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, quy mô hạn chế, chưa thực sự chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai TMĐT; chưa có cán bộ chuyên trách về TMĐT nên tỷ lệ ứng dụng trong thực hiện thủ tục hành chính còn nhiều hạn chế.

- Việc mua hàng truyền thống theo kiểu chợ truyền thống vẫn đang là một trong những cản trở lớn đối với việc thúc đẩy TMĐT phát triển ở các doanh nghiệp.

- TMĐT là lĩnh vực mới, phát triển nhanh, nên nhiều cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, người dân còn lúng túng với hoạt động của TMĐT.

## **II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TMĐT GIAI ĐOẠN 2016-2020**

### **1. Căn cứ pháp lý**

- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT;

- Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2014 - 2020;

- Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý website TMĐT;



- Quyết định số 07/2015/QĐ-TTg ngày 02/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia;

## **2. Mục tiêu phát triển TMĐT giai đoạn 2016 - 2020**

### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

- Triển khai các giải pháp, hoạt động hỗ trợ phát triển lĩnh vực TMĐT, đưa TMĐT trở thành hoạt động được sử dụng, ứng dụng phổ biến trong các cơ quan quản lý nhà nước và đại bộ phận các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; góp phần nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước.

- Hỗ trợ, tư vấn, đào tạo nguồn nhân lực ứng dụng TMĐT cho các doanh nghiệp nhằm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- 100% cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp biết đến lợi ích của TMĐT.

- 50% trang thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và cấp huyện cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến ở mức độ 3 và 10% dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 4; 80% các giao dịch giữa cơ quan hành chính nhà nước với doanh nghiệp và công dân được thực hiện trực tuyến qua cổng thông tin điện tử của tỉnh hoặc qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Áp dụng phổ biến ứng dụng chữ ký số và chứng thực chữ ký số để đảm bảo an toàn, bảo mật cho các giao dịch TMĐT.

- Ứng dụng rộng rãi các hình thức thanh toán TMĐT giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp - B2B, giữa doanh nghiệp với khách hàng - B2C; giữa doanh nghiệp với cơ quan nhà nước - B2G; giữa các cá nhân với nhau - C2C; giữa cơ quan nhà nước với cá nhân - G2C.

- 60% hệ thống các siêu thị, trung tâm thương mại, cơ sở phân phối hiện đại, cơ sở cung cấp điện, nước, viễn thông và truyền thông, du lịch, vận tải cho phép sử dụng phương thức thanh toán bằng thẻ thanh toán và thanh toán qua phương tiện điện tử.

- 50% doanh nghiệp có ứng dụng phần mềm phục vụ hoạt động quản lý sản xuất và kinh doanh.

- 80% lượt cán bộ quản lý nhà nước, doanh nghiệp, thanh niên khởi nghiệp được tham dự các khóa đào tạo ngắn hạn về TMĐT.

## **3. Nhiệm vụ và giải pháp**

### **3.1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về TMĐT**

- Tổ chức tuyên truyền pháp luật về TMĐT trên địa bàn tỉnh để cán bộ quản lý nhà nước, doanh nghiệp và công dân nắm vững các quy định của pháp luật về TMĐT. Trong quá trình triển khai chính sách pháp luật về TMĐT, kịp thời phản

ánh những vướng mắc, khó khăn cũng như các quy định chưa hợp lý lên các cơ quan có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn. Tổ chức thực thi các quy định của pháp luật liên quan tới TMĐT trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm tổ chức các hoạt động rà soát, thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực TMĐT, nhằm nắm vững tình hình phát triển TMĐT trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở cho việc triển khai chính sách và thực thi pháp luật về TMĐT.

Mỗi năm tổ chức ít nhất 01 lớp tập huấn triển khai các văn bản pháp luật về TMĐT cho đối tượng cán bộ chuyên trách quản lý TMĐT, CNTT các cấp; triển khai từ 01- 02 cuộc thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực TMĐT.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về TMĐT: thông qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, hoàn thiện cẩm nang TMĐT, các tờ rơi quảng bá về TMĐT và các hình thức khác; tổ chức các sự kiện thúc đẩy phát triển TMĐT; xây dựng và quảng bá chỉ số phát triển TMĐT của tỉnh.

- Tổ chức tập huấn ngắn hạn cho cán bộ nhà nước, doanh nghiệp, thanh niên khởi nghiệp về TMĐT theo địa phương và lĩnh vực kinh doanh. Mỗi năm tổ chức 02 lớp bồi dưỡng cho cán bộ QLNN và 03 lớp bồi dưỡng cho cán bộ doanh nghiệp, thanh niên khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### **3.2. Phát triển và ứng dụng công nghệ, dịch vụ TMĐT**

- Tuyên truyền, khuyến khích doanh nghiệp sử dụng phần mềm mã nguồn mở khi triển khai các ứng dụng TMĐT; sử dụng các công nghệ phục vụ phát triển thanh toán trực tuyến; khuyến khích các doanh nghiệp phát triển các tiện ích thanh toán qua phương tiện điện tử hỗ trợ người mua thanh toán trực tuyến, thúc đẩy phát triển TMĐT.

Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch kinh doanh dịch vụ cho thuê thiết bị tính toán, phần mềm và các dịch vụ công nghệ thông tin và viễn thông khác.

- Phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử ứng dụng trong TMĐT tới các doanh nghiệp, nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của an toàn thông tin, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên tham gia giao dịch TMĐT và lợi ích của việc sử dụng chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong hoạt động TMĐT. Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử trong kinh doanh điện tử giữa các doanh nghiệp, ứng dụng các công nghệ bảo mật tiên tiến để thông tin trao đổi trên môi trường mạng máy tính được đảm bảo an toàn.

- Hỗ trợ kiểm tra và đề nghị Bộ Công Thương phê duyệt các website TMĐT của các doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh tiến hành đăng ký hoặc thông báo hoạt động, phổ biến các lợi ích của hoạt động này đối với các doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Mỗi năm tổ chức 02 hội nghị kết nối doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ cho thuê thiết bị tính toán, phần mềm và các dịch vụ cung cấp chữ ký số... với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### **3.3. Cùng cố tổ chức, nâng cao hiệu quả và năng lực quản lý nhà nước về TMĐT**

#### **a) Xây dựng hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh**

Xây dựng các hệ thống và lập trình phần mềm quản lý trực tuyến thông tin doanh nghiệp trên địa bàn, kết nối với các huyện, thành phố và cổng thông tin Xuất khẩu Việt Nam (VNEX) của Bộ Công Thương. Hàng năm, cập nhật thông tin các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá và định hướng quản lý kịp thời.

b) Cung cấp, cập nhật thông tin về tiềm năng xuất khẩu của tỉnh và danh bạ doanh nghiệp xuất khẩu trên Cổng thông tin xuất khẩu Việt Nam – VNEX

Hàng tháng, thực hiện thu thập, biên tập thông tin về tiềm năng xuất khẩu của tỉnh và danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu lên cổng thông tin Xuất khẩu Việt Nam (VNEX) có địa chỉ [vietnamexport.com](http://vietnamexport.com). Đây là Cổng thông tin chính thống của Bộ Công Thương, cập nhật bằng tiếng Anh để giới thiệu tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam và 63 tỉnh, thành phố trên cả nước; đồng thời, VNEX cung cấp cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam theo các lĩnh vực ngành hàng.

#### **c) Khai thác thông tin trên Cổng thông tin Thị trường nước ngoài**

Phổ biến, hướng dẫn các doanh nghiệp truy cập, khai thác thông tin trên cổng thông tin Thị trường nước ngoài (TTNN) tại địa chỉ <http://thitruongnuocngoai.vn>. Đây là cổng thông tin đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam cung cấp một cách có hệ thống thông tin thị trường nước ngoài về hầu hết các quốc gia và lãnh thổ trên thế giới.

Hàng tháng, trên cơ sở nguồn tin khai thác từ TTNN, xây dựng bản tin điện tử cập nhật về tình hình thị trường để cung cấp cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh.

d) Tổ chức điều tra, thu thập số liệu thống kê về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, TMĐT trên địa bàn tỉnh

Định kỳ tổ chức điều tra, thu thập số liệu thống kê về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin và TMĐT trên địa bàn tỉnh nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng và xu hướng phát triển để kịp thời có giải pháp quản lý hiệu quả lĩnh vực TMĐT và công nghệ thông tin.

### **3.4. Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng TMĐT**

a) Hỗ trợ doanh nghiệp thiết lập và sử dụng hệ thống thư điện tử với tên miền dùng riêng của doanh nghiệp

Nghiên cứu, xây dựng và ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ và tư vấn cho doanh nghiệp ứng dụng các giải pháp toàn diện cung cấp công nghệ thông tin như một dịch vụ trong triển khai hệ thống thư điện tử với tên miền dùng riêng của doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website TMĐT

- Hỗ trợ doanh nghiệp có định hướng và xây dựng website TMĐT phù hợp với mô hình, sản phẩm của doanh nghiệp. Ngoài ra, tư vấn cho doanh nghiệp triển khai quy trình bán hàng trực tuyến, quy trình kinh doanh theo mô hình B2C tiên tiến trên thế giới, cách thức tích hợp công cụ thanh toán trực tuyến, cách thức quảng bá, marketing hiệu quả cho website TMĐT. Mỗi năm lựa chọn hỗ trợ 20 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng mới website TMĐT.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các sàn giao dịch TMĐT nhằm quảng bá thương hiệu và sản phẩm của doanh nghiệp

Mỗi năm, lựa chọn 20 doanh nghiệp tiêu biểu có khả năng và mong muốn ứng dụng TMĐT để hỗ trợ, tư vấn cách thức tham gia. Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đối tác thông qua việc khai thác các cơ hội giao thương hàng ngày. Đào tạo kỹ năng quản trị gian hàng trực tuyến.

d) Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng TMĐT thông qua các công cụ kinh doanh điện tử (e-business).

Phổ biến, hướng dẫn các doanh nghiệp sử dụng, tích hợp các hệ thống quản lý nội bộ một cách có hiệu quả nhằm nâng cao năng lực quản lý nội bộ doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh.

đ) Hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh TMĐT theo mô hình B2C xây dựng quy trình thu thập thông tin khách hàng thông qua chứng nhận website TMĐT uy tín (safeweb)

e) Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng marketing trực tuyến nhằm xây dựng thương hiệu trên môi trường Internet

Định hướng và khuyến khích doanh nghiệp xây dựng thương hiệu trên môi trường Internet thông qua marketing trực tuyến.

### **3.5. Khảo sát, học tập kinh nghiệm và nhiệm vụ khác**

a) Tổ chức các đoàn đi tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm tại các địa phương xây dựng và triển khai kế hoạch TMĐT đạt kết quả tốt, khảo sát một số doanh nghiệp ứng dụng thành công TMĐT trong sản xuất kinh doanh.

b) Tổ chức cử cán bộ phụ trách TMĐT và công nghệ thông tin dự hội thảo, tập huấn, hội nghị trong và ngoài nước do các Bộ, ngành tổ chức.

## **4. Kinh phí triển khai thực hiện**

Tổng nguồn kinh phí thực hiện dự kiến khoảng 8,46 tỷ đồng

Trong đó: Nguồn kinh phí Trung ương 1,36 tỷ đồng;

Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh: 3,052 tỷ đồng;

Nguồn kinh phí khác: 4,048 tỷ đồng.

*(Có Biểu chi tiết đính kèm)*

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**



## **1. Sở Công Thương**

- Là cơ quan đầu mối chủ trì thực hiện Kế hoạch, có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Phát triển thương mại điện tử (EcomViet) - Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin, Bộ Công Thương và các đơn vị có liên quan triển khai có hiệu quả nội dung Kế hoạch.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch. Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch với UBND tỉnh, Bộ Công Thương theo quy định.

- Tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có) trong quá trình tổ chức thực hiện; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp.

- Hàng năm căn cứ dự toán được giao, Sở Công Thương xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện theo đúng quy định.

## **2. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Triển khai xây dựng quy hoạch, phát triển hạ tầng viễn thông và internet tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển TMĐT, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chính sách thu hút các nhà cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, thương mại điện tử đến đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Công Thương trong việc hỗ trợ các Sở, Ngành, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin và TMĐT; đào tạo các kỹ năng và tư vấn cho doanh nghiệp về các nội dung liên quan đến công nghệ thông tin và TMĐT; Hướng dẫn triển khai chữ ký số và chứng thực chữ ký số trong các giao dịch TMĐT; triển khai đồng bộ Kế hoạch này với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh, gắn kết sự phát triển TMĐT với Chính phủ điện tử.

- Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin trong giao dịch TMĐT.

## **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan xem xét, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt các dự án, kế hoạch đầu tư các hạng mục về công nghệ thông tin, các dự án phát triển TMĐT trên địa bàn tỉnh.

## **4. Sở Tài chính**

Hàng năm căn cứ khả năng ngân sách và chế độ tài chính hiện hành bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Thẩm tra, quyết toán kinh phí thương mại điện tử hàng năm theo quy định.

## **5. Các Sở, Ban, Ngành và UBND các huyện, thành phố**

Căn cứ nội dung của Kế hoạch, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, đào tạo về TMĐT cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị mình.

Yêu cầu các Sở, Ban, Ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan chủ động triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Định kỳ 6 tháng và hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết. Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch trước ngày 10 tháng 12 hằng năm (thông qua Sở Công Thương) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh ;
- UBND các huyện, thành phố ;
- Hội BVQLNTD tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Phó Chánh VP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TCTM (NL80).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Khánh**

BIỂU CHI TIẾT  
KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TMĐT TỈNH HÒA BÌNH

GIẢI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Quyết định số: **155**QĐ-UBND ngày **28**/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)

STT	Nội dung hỗ trợ	Kinh phí thực hiện																Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
		Tổng cộng	Trong đó			2016			2017			2018			2019					2020	
			NS tỉnh	NS TW	Khác	NS tỉnh	NS TW	Khác	NS tỉnh	NS TW	Khác	NS tỉnh	NS TW	Khác	NS tỉnh	NS TW	Khác				
1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức về TMĐT	1.890	1.140	750	-	100	150	-	260	150	-	260	150	-	260	150	-	260	150	-	
1.1	Triển khai pháp luật về TMĐT	240	240	-	-	-	-	-	60	-	-	60	-	-	60	-	-	60	-	-	
	Tổ chức các lớp tập huấn triển khai văn bản pháp luật TMĐT cho cán bộ chuyên trách về TMĐT, CNTT	200	200	-	-	-	-	-	50	-	-	50	-	-	50	-	-	50	-	-	
	Triển khai thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực TMĐT	40	40	-	-	-	-	-	10	-	-	10	-	-	10	-	-	10	-	-	
1.2	Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về TMĐT	200	200	-	-	-	-	-	50	-	-	50	-	-	50	-	-	50	-	-	
	Tuyên truyền trên báo hoặc đài	80	80	-	-	-	-	-	20	-	-	20	-	-	20	-	-	20	-	-	
	Tuyên truyền bằng hình thức: Cẩm nang TMĐT hoặc tờ rơi hoặc tờ chức sự kiện thúc đẩy phát triển TMĐT	120	120	-	-	-	-	-	30	-	-	30	-	-	30	-	-	30	-	-	
1.3	Tập huấn phổ biến kiến thức phát triển nguồn nhân lực TMĐT	1.450	700	750	-	100	150	-	150	150	-	150	150	-	150	150	-	150	150	-	
	Tập huấn cho cán bộ QLNN	500	250	250	-	50	50	-	50	50	-	50	50	-	50	50	-	50	50	-	
	Tập huấn cho cán bộ DN, thanh niên khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh	950	450	500	-	50	100	-	100	100	-	100	100	-	100	100	-	100	100	-	

2	Phát triển và ứng dụng công nghệ, dịch vụ TMDT	120	120	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	30	-	-	30	-	-	Số Công Thương	Trung tâm phát triển TMDT, Doanh nghiệp, các đơn vị liên quan
	Tổ chức 02 hội nghị/năm kết nối DNKD dịch vụ cho thuê thiết bị tính toán, phần mềm và các dịch vụ cung cấp chữ ký số ... với các DN trên địa bàn	120	120	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	30	-	-	30	-	-		
3	Củng cố tổ chức, nâng cao hiệu quả và năng lực QLNN về TMDT	650	600	50	-	-	-	-	-	260	50	-	-	90	-	-	160	-	-		
3.1	Xây dựng hệ thống quản lý thông tin DN trên địa bàn tỉnh	270	220	50	-	-	-	-	-	130	50	-	-	30	-	-	30	-	-		
	Thiết kế hệ thống và lập trình phần mềm	150	100	50	-	-	-	-	-	100	50	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Cập nhật cơ sở dữ liệu các năm	120	120	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	30	-	-	30	-	-		
3.2	Hàng tháng viết bài, biên tập từ 2-3 tin, bài ảnh về xuất nhập khẩu và danh bạ DN xuất khẩu Việt Nam - VNEX (1 triệu đồng/tháng)	48	48	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-	12	-	-	12	-	-		
3.3	Khair thác thông tin trên Cổng thông tin thị trường nước ngoài	96	96	-	-	-	-	-	-	24	-	-	-	24	-	-	24	-	-		
	Hàng tháng khai thác từ 8-10 tin bài ảnh trên http://thutrangnuocngoai.vn (10 tin bài ảnh x 20,000đ x 12 tháng)	10	10	-	-	-	-	-	-	2,4	-	-	-	2,4	-	-	2,4	-	-		
	Biên tập thành Bản tin điện tử và gửi cho các DN XNK và cơ quan liên quan (Chi Ban biên tập, kiểm soát, gửi tin cho DN)	86	86	-	-	-	-	-	-	21,6	-	-	-	21,6	-	-	21,6	-	-		
3.4	Tổ chức điều tra, thu thập số liệu thống kê về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, TMDT trên địa bàn tỉnh	140	140	-	-	-	-	-	-	70	-	-	-	70	-	-	70	-	-	Số Công Thương, DN, các đơn vị liên quan	
4	Hỗ trợ các DN trên địa bàn (tỉnh ứng dụng TMDT	5.520	912	560	4.048	-	-	-	-	228	140	1.012	140	228	1.012	140	228	140	1.012		
4.1	Hỗ trợ DN thiết lập và sử dụng hệ thống thư điện tử với tên miền dùng riêng của DN	160	112	-	48	-	-	-	-	28	-	12	-	28	12	-	28	-	12		
	Tình hỗ trợ kinh phí thiết kế ban đầu (mỗi năm 20ĐN x 1,4tr/đ/NĐ)	112	112	-	-	-	-	-	-	28	-	-	-	28	-	-	28	-	-		



	DN đối ứng (mỗi năm 20DN x 0,6trd/DN)	48	-	-	48							12				12			12	
4.2	Hỗ trợ DN xây dựng website TMĐT	2.800	480	320	2.000	-	-	120	80	500	120	80	500	120	80	500			500	
	Tính hỗ trợ kinh phí thiết kế ban đầu (mỗi năm 20DNx6trd/DN)	480	480	-	-			120			120			120			120			
	Hỗ trợ từ TW thông qua Trung tâm phát triển thương mại điện tử (Ecom Viet) (mỗi năm 20DNx4trd/DN)	320	-	320	-				80			80			80			80		
	DN đối ứng (mỗi năm 20DN x 25trd/DN máy chủ, phí duy trì...)	2.000	-	-	2.000					500		500			500			500		
4.3	Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các sân giao dịch TMĐT	2.560	320	240	2.000	-	-	80	60	500	80	60	500	80	60	500	80	60	500	
	Tính hỗ trợ kinh phí thiết kế ban đầu (mỗi năm 20DNx4trd/DN)	320	320	-	-			80			80			80			80			
	Hỗ trợ từ TW thông qua Trung tâm phát triển thương mại điện tử (Ecom Viet) (mỗi năm 20DNx3trd/DN)	240	-	240	-				60			60			60			60		
	DN đối ứng (mỗi năm 20DN x 25trd/DN-Cấp nhất thông tin, quản trị gian hàng...)	2.000	-	-	2.000					500		500			500			500		
5	Khảo sát, học tập kinh nghiệm và nhiệm vụ khác	280	280	-	-	-	-	120	-	-	20	-	-	120	-	-	20	-	-	
	Tổ chức các đoàn đi tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm	200	200	-	-			100						100						
	Tổ chức cử cán bộ phụ trách TMĐT và công nghệ thông tin dự hội thảo tập huấn, hội nghị trong và ngoài nước do các Bộ, ngành tổ chức; Mua và pho tá tài liệu TMĐT	80	80	-	-			20			20			20			20			
	Cộng	8.460	3.052	1.360	4.048	100	150	-	898	340	1.012	628	290	1.012	798	290	1.012	628	290	1.012
Trung tâm phát triển TMĐT, Doanh nghiệp, các đơn vị liên quan																				

Trung tâm phát triển TMĐT, Doanh nghiệp, các đơn vị liên quan

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH